

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2025

*V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2. Bà Đỗ Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thúy Duyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị K, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp L, xã Đ, tỉnh Cà Mau).
Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp L, xã Đ, tỉnh Cà Mau).
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 5 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị K, trình bày: Vào năm 2007, bà K và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70/2013,

quyền số 01/2013, ngày 05 tháng 6 năm 2013. Trong quá trình chung sống, bà K và ông Trường S được hai người con chung là Trần Thị Kim T1, sinh ngày 30/10/2007 và Trần Thị Kim A, sinh ngày 10/4/2013. Hiện nay hai cháu vẫn đang sống chung nhà với ông T.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà K và ông T không có tạo lập tài sản chung, cùng không vay, mượn tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng nào nên không có nợ chung.

Sau khoảng thời gian hơn 06 năm chung sống hạnh phúc, bà K và ông T dần nảy sinh những bất đồng trong hôn nhân, mâu thuẫn bắt đầu từ việc ông T phát sinh tình cảm nam nữ với người phụ nữ khác. Từ thời điểm này, tình cảm giữa bà K và ông T không còn hạnh phúc nhưng cả hai vẫn cố gắng sống chung vì con. Tuy nhiên từ năm 2022, ông T nghe lời người thân nên nhiều lần vô cớ kiểm chuyện chửi mắng bà K. Về kinh tế, thu nhập của ai người đó tự quản lý chi tiêu, bà K nhận thấy đời sống chung không thể tiếp tục duy trì nên đã sống ly thân với ông T từ năm 2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả hai đều không có biện pháp gì để giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà K yêu cầu được ly hôn với ông T. Khi ly hôn, bà K yêu cầu giao các cháu Trần Thị Kim T1, sinh ngày 30/10/2007 và Trần Thị Kim A, sinh ngày 10/4/2013 cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng, bà K không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, bà K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn ông Trần Văn T: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập ông T đến Tòa án, nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, không thực hiện việc gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà K cũng như không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến, yêu cầu của ông T. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà K cung cấp và do Tòa án thu thập được để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều

238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông T, xử cho bà K được ly hôn với ông T. Về con chung, giao các cháu Trần Thị Kim T1, sinh ngày 30/10/2007 và Trần Thị Kim A, sinh ngày 10/4/2013 cho ông T tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông T không yêu cầu bà K phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Bà K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Bà K phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà K yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn T và hiện nay ông T đang cư trú tại ấp L, xã Đ, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau đã triệu tập ông T tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai, nhưng cả hai lần ông T đều vắng mặt không có lý do và bà K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K và ông T.

[3] Về hôn nhân: Bà K và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Cà Mau), được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 70/2013, quyền số 01/2013, ngày 05 tháng 6 năm 2013 nên hôn nhân giữa bà K và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà K yêu cầu được ly hôn với ông T vì cho rằng cả hai đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm trước từ việc nghi ngờ ông T không chung thủy trong hôn nhân. Ngoài ra ông T còn nhiều lần kiếm chuyện, chửi mắng bà K vô cớ, không cùng nhau phát triển kinh tế chung của gia đình. Sau nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa bà K và ông T trở nên trầm trọng hơn dẫn đến việc cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 2024 đến nay mà không có biện pháp gì để hàn gắn. Qua nội dung biên bản xác minh tại địa phương, xác định được việc bà K và ông T đã sống ly thân với nhau là có xảy ra trên thực tế, các con chung của bà K và ông T hiện đang được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, điều này phù hợp với lời khai của bà K và cũng phản ánh thực trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà K và ông T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, xây dựng gia đình phát triển nhưng từ những chứng cứ trên cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở. Do đó, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình,

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K đối với ông T, xử cho bà K được ly hôn với ông T.

[5] Về con chung: Kể từ khi bà K và ông T sống ly thân với nhau, các cháu Trần Thị Kim T1, sinh ngày 30/10/2007 và Trần Thị Kim A, sinh ngày 10/4/2013 vẫn luôn được ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, nay các cháu đã có cuộc sống ổn định. Đồng thời, qua ghi nhận ý kiến, các cháu Trần Thị Kim T1 và Trần Thị Kim A đều thể hiện nguyện vọng được sống chung với ông T khi cha mẹ ly hôn. Bản thân bà K cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên để đảm bảo sự ổn định cuộc sống của các cháu, có cơ sở giao các cháu cho ông T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông T không yêu cầu bà K phải cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Bà K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà K xác định bà K và ông T chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông T cũng không thể hiện ý kiến có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, bà K phải nộp 300.000 đồng. Bà K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006817 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Cà Mau) nên được chuyển thu án phí.

[7] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị K đối với ông Trần Văn T. Xử cho bà Đặng Thị K được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao các cháu Trần Thị Kim T1, sinh ngày 30/10/2007 và Trần Thị Kim A, sinh ngày 10/4/2013 cho ông Trần Văn T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Trần Văn T không có yêu cầu bà Đặng Thị K cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

Bà Đặng Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, bà Đặng Thị K phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình. Bà K đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006817 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 - Cà Mau) nên được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND KV8 - CM;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS KV8 - CM;
- UBND xã Định Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

Huỳnh Ngọc Nhiều